

Số **08** /TB-HĐTD

Hải Phòng, ngày **25** tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

**Danh sách và triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển vòng 2
kỳ tuyển dụng viên chức Trường Đại học Hải Phòng đợt 1 năm 2026**

Căn cứ Luật Viên chức 129/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng; Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND thành phố Hải Phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của UBND thành phố;

Căn cứ Công văn số 3017/SNV-CCVC ngày 05/6/2026 của Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng về việc phúc đáp Văn bản số 1877/ĐHHP-TCCB&PC ngày 22/5/2026 của Trường Đại học Hải Phòng về việc tuyển dụng viên chức năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 2171/TB-ĐHHP ngày 10/6/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng về việc tuyển dụng viên chức Trường Đại học Hải Phòng đợt 1 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2794/QĐ-ĐHHP ngày 15/7/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường Đại học Hải Phòng đợt 1 năm 2026;

Căn cứ Biên bản kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển ngày 07/8/2026 của Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức Trường Đại học Hải Phòng đợt 1 năm 2026;

Căn cứ Biên bản kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển ngày 21/8/2026 của Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức Trường Đại học Hải Phòng đợt 1 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3612/QĐ-ĐHHP ngày 24/8/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng về việc Phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức Trường Đại học Hải Phòng đợt 1 năm 2026;

Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường Đại học Hải Phòng đợt 1 năm 2026 thông báo danh sách và triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển vòng 2, cụ thể như sau:

1. Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức Trường Đại học Hải phòng đợt 1 năm 2026

Tổng số: 126 người, trong đó:

- Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 88 người.
- Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp ngành/chuyên ngành giáo dục đào tạo: 38 người.

(Có danh sách kèm theo)

2. Triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển vòng 2

2.1. Hướng dẫn ôn tập

- Thời gian dự kiến: 15h30 phút, ngày 27 tháng 8 năm 2026.
- Địa điểm: Hội trường A1, Trường Đại học Hải Phòng, số 171 Phan Đăng Lưu, Phường Phù Liễn, thành phố Hải Phòng.

2.2. Khai mạc kỳ tuyển dụng viên chức

- Thời gian dự kiến: 14h00 phút, ngày 05 tháng 9 năm 2026.
- Địa điểm: Hội trường A1, Trường Đại học Hải Phòng, số 171 Phan Đăng Lưu, Phường Phù Liễn, thành phố Hải Phòng.

2.3. Tổ chức thi vòng 2

- Hình thức: Vấn đáp
- Thời gian dự kiến: 07h00 phút, ngày 06 tháng 9 năm 2026
- Địa điểm: Trường Đại học Hải Phòng, số 171 Phan Đăng Lưu, Phường Phù Liễn, thành phố Hải Phòng.

Lưu ý: thí sinh có mặt trước thời gian quy định 30 phút và mang theo căn cước/căn cước công dân hoặc các giấy tờ tùy thân khác có ảnh để kiểm tra, đối chiếu.

2.4 Thu phí tuyển dụng

Mức thu phí tuyển dụng là 400.000 đồng/thí sinh 

Hình thức nộp: chuyển khoản đến số tài khoản 199666888, ngân hàng Vietcombank .

(Cú pháp chuyển khoản: Họ và tên_CCCD_TDVCdot1nam2026).

Thời gian nộp lệ phí: trước 17h00 phút ngày 05/9/2026.

Nhận được Thông báo này, đề nghị các thí sinh tham dự đúng thời gian, địa điểm theo quy định. ✓

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- ĐU, BGH;
- Ban Giám sát;
- Cổng thông tin điện tử Trường ĐHHP;
- Các thí sinh dự tuyển;
- Lưu: HĐTĐ. ✓

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS Trần Quốc Tuấn

(Kèm theo Thông báo số 08 /TB-HĐTD ngày 25 /8/2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

hw

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học		
1	Phạm Thị Lan Hương	31/01/1986	031186003021	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ Luật Kinh tế	
2	Vũ Thị Huyền Diệu	28/09/1997	031197003743	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Tiếng Anh B1		Đại học Luật	
3	Nguyễn Lý Thu Thảo	16/11/2002	031302000978	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Ielts 6.0		Đại học Luật	
4	Nguyễn Thị Huyền Thanh	24/04/1988	031188006431	Đại học Tin học	CC Tiếng Anh VEPT B1		Thạc sĩ Công nghệ Thông tin	
5	Hoàng Thị Vân Anh	28/10/1984	036184007746	Thạc sĩ Khoa học máy tính	CC Tiếng Anh VEPT B1		Thạc sĩ Khoa học máy tính	
6	Trần Thảo Anh	11/05/2004	031304002036	CC Tin học MOS	CC Ielts 6.0		Đại học Luật	
7	Đoàn Thị Huyền Thảo	18/01/2001	031301003029	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 3		Đại học Luật	
8	Đỗ Thu An	09/10/2003	034303001415	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Tiếng Anh bậc 3		Đại học Luật	
9	Trần Vân Anh	07/09/2000	01300006958	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Ielts 6.5		Đại học Luật	



STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học		
10	Phạm Thị Ngọc Trang	26/07/2004	031304001050	Giấy xác nhận Chuẩn đầu ra tin học	Giấy xác nhận Chuẩn đầu ra ngoại ngữ tương đương Bậc 5		Đại học Luật	
11	Nguyễn Quang Vũ	05/06/2004	031204006923	Phụ lục văn bằng Đại học Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản	CC TOEIC 455		Đại học Luật - Chuyên ngành Thanh tra	
12	Phạm Hương Thùy	02/07/2003	022303003960	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 4		Thạc sĩ Luật Kinh tế	
13	Phan Thị Minh Phương	07/04/2000	031300005173	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Tiếng Anh B2+		Đại học Luật thương mại Quốc tế	
III	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng							
1	Đậu Thị Diệu	03/09/1987	040187001589	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Tiếng Anh B1		Thạc sĩ Phương pháp Toán sơ cấp	
2	Đào Thị Thùy Linh	07/08/1997	031197000937	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh		Đại học Lưu trữ học	
3	Phạm Thị Hà Thu	30/08/1985	031185017849	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Aptis General C1		Thạc sĩ Quản lý giáo dục	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học		
4	Đỗ Thị Việt Hồng	18/10/1985	031185003079	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Tiếng Anh trình độ tương đương B1		Thạc sĩ Khoa học máy tính	
5	Nguyễn Ngọc Phú	29/07/1982	031082003023	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam	
IV	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Văn phòng							
1	Nguyễn Đình Hưng	21/03/1986	031086008424	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	
2	Đỗ Mạnh Cường	08/09/1984	031084013775	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Certificate Level 3/6		Thạc sĩ Quản lý Kinh tế	
3	Nguyễn Thị Thu An	22/09/2001	031301001925	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ Giáo dục Tiểu học	
4	Nguyễn Thị Phương Anh	18/05/1996	031196015707	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Tiếng Anh bậc 3		Đại học Quản lý Nhà nước	
5	Nguyễn Thị Phương Chi	06/08/1986	031186005529	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh	
6	Nguyễn Trọng Đại	08/10/1997	031097000148	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Aptis B2		Thạc sĩ Quản lý Giáo dục	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học		
7	Nguyễn Thị Chiêm	23/04/1989	033189006535	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Tiếng Anh bậc 3		Đại học Sư phạm Ngữ văn	
8	Nguyễn Hồng Trang	13/11/1998	031198004991	CC Microsoft Office Specialist	CC Aptis B2		Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh	
9	Dương Thị Việt Hà	04/12/2000	044300000997	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Tiếng Anh bậc 3		Đại học Quản lý Nhà nước	
V	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Quản lý đào tạo							
1	Nguyễn Thị Bích	05/04/1988	031188003590	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Tiếng Anh bậc 3/6		Đại học Sư phạm Vật lý	
2	Trần Thị Nhung	18/08/1988	031188005529	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Đại học Sư phạm Tiếng Anh	
3	Bùi Thị Vân	29/11/1982	034182004576	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Tiếng Anh CEFR trình độ B1		Đại học Kế toán	
4	Nguyễn Hải Đoàn	12/08/1983	031083012486	CC Kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Chứng nhận Tiếng Anh B1 Châu Âu		Đại học Kế toán	
5	Trần Thị Hương Thắm	03/08/1985	031185001045	Kỹ sư Công nghệ thông tin	CC Aptis C		Thạc sĩ Quản lý giáo dục	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học		
6	Vũ Thị Thu Trang	11/12/1992	034192005512	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC B2 CEFR		Thạc sĩ Lịch sử	
7	Trương Minh Hoàng	17/12/2004	044204002652	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng nhận CĐR Tiếng Anh B1 nội bộ		Đại học Sư phạm Ngữ Văn	
8	Lý Thị Nhung	15/08/1995	008195009558	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Ngoại ngữ Tiếng Anh B1 (Bậc 3)		Thạc sĩ Công tác xã hội	Dân tộc thiểu số
9	Đỗ Thị Hà My	25/11/1995	034195002208	CC CNTT cơ bản	CC Tiếng Anh bậc 3 (B1)		Thạc sĩ Công tác xã hội	
10	Vũ Thị Phương Thảo	08/08/2000	030300012709	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Tiếng Anh bậc 4/6 (VSTEP)		Đại học Kế toán	
11	Nguyễn Thị Phương Mai	11/02/1993	031193013719	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Tiếng Anh tương đương B1 khung Châu Âu		Đại học Sư phạm Ngữ văn	
VI	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục							
1	Lê Thị Thu Hiền	17/05/1978	031178007166	Cao đẳng Công nghệ thông tin	CC CEFR B1		Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học		
2	Nguyễn Thị Thanh Thủy	21/02/1985	031185021818	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Tiếng Anh CEFR Trình độ B1		Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam	
3	Nguyễn Thị Hương	07/02/1987	031187003877	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Đại học Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ Khoa học máy tính	
VII	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Quản lý người học							
1	Trần Thị Nhung	16/11/1986	031186017465	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Certificate level 3/6		Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam	
2	Nguyễn Thúy Lan	18/06/1981	031181008088	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Tiếng Anh		Đại học Tiếng Anh	
3	Nguyễn Thị Vân Anh	30/04/1988	031188011587	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ Toán học	
4	Phạm Thùy Trang	01/05/1998	031198000007	ĐH Công nghệ thông tin	Thi sát hạch đạt điều kiện		Đại học Công nghệ thông tin	
5	Đỗ Việt Hưng	24/09/2000	031200001172	Chuẩn đầu ra tin học	Chuẩn đầu ra Tiếng Anh		Đại học Quản trị Kinh doanh	
6	Lê Minh Huyền	12/12/1985	031185023142	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ Quản lý văn hóa (CQ)	



STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học		
7	Phạm Thu Hương	12/03/1997	034197014966	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 3		Đại học Văn hóa Du lịch	
8	Phạm Hồng Hà	30/10/1988	031088007716	ThS Công nghệ thông tin	CC ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 3		Thạc sĩ Công nghệ thông tin	
9	Đào Thị Hồng Nhung	31/03/1987	031187003841	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh		Đại học Văn hóa du lịch (Việt Nam học)	
10	Đỗ Kim Ngân	10/02/1989	031189007579	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Trung Quốc		Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Con bệnh binh
11	Nguyễn Thị Thu Trang	06/01/1989	031189009235	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Tiếng Anh		Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Con thương binh
12	Nguyễn Quang Thái	29/12/1989	031089001819	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Tiếng Anh CEFR Level B1		Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh	
13	Nguyễn Tất Vũ	26/03/2000	019200008460	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 3		Đại học Kinh tế (Kinh tế đầu tư)	
14	Lò Thị Thảo	08/02/1998	015198008728	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 3		Đại học Quản lý Văn hóa	Dân tộc thiểu số

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học		
15	Nguyễn Thu Hằng	17/05/1999	031199011062	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh		Đại học Ngôn ngữ Anh	
16	Lê Thị Lệ Thúy	16/07/1988	031188014643	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Tiếng Anh cấp độ B1 theo khung Châu Âu		Thạc sĩ Quản lý kinh tế	
17	Nguyễn Thị Huyền	21/09/1998	034198001330	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Tiếng Anh B1		Đại học Giáo dục học	
VIII	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Quản lý thi và văn bằng, chứng chỉ							
1	Đoàn Thùy Trang	16/06/1986	031186000623	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Tiếng Anh CEFR Trình độ B1		Đại học Sư phạm Toán hóa	
2	Vũ Thị Anh	15/08/1983	031183000080	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh	
3	Phạm Thanh Tùng	07/12/1983	014083000064	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Tiếng Anh trình độ tương đương cấp độ B1 khung Châu Âu		Thạc sĩ Toán học	
4	Nguyễn Đức Nghĩa	12/04/1990	031090001872	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học		
5	Nguyễn Thị Ngọc Thu	05/12/1982	031182004664	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Tiếng Anh		Thạc sĩ Quản lý giáo dục	
6	Đỗ Thị Huyền Trang	01/09/1986	031186020305	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh		Đại học Sư phạm Hóa học	
7	Đặng Hoàng Phúc	14/10/1990	031090009435	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Aptis B2		Đại học Quản trị Kinh doanh	Con thương binh 4/4
IX	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Quản lý khoa học công nghệ							
1	Lê Thu Hương	16/08/1993	031193001223	CC Kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ Quản lý Kinh tế	
2	Nguyễn Đức Phong	15/10/1978	031078003685	Đại học Công nghệ thông tin	CC Tiếng Anh Level B1		Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh	Hoàn thành Nghĩa vụ quân sự
3	Đỗ Lê Chung	03/05/2003	031203000210	Đại học Công nghệ thông tin	Thi sát hạch đạt điều kiện		Đại học Công nghệ thông tin	
4	Vũ Thị Thu Huyền	05/04/1988	030188000120	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học		
X	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Chuyên viên Tạp chí khoa học							
1	Đỗ Thị Thái Linh	10/12/1989	031189002522	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ Toán học (Toán ứng dụng)	
XI	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị							
1	Nguyễn Thị Trang	31/08/1982	031182001785	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC ngoại ngữ Tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (bậc 3/6)		Đại học Kế toán	
2	Vũ Thị Xuân	13/10/1983	031183012311	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC năng lực Tiếng Anh Bậc 3/6		Đại học Kế toán (Kế toán Doanh nghiệp)	
3	Nguyễn Khắc Tiệp	27/03/1984	031084000216	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh		Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
4	Vũ Văn Tuệ	21/12/1975	031075000799	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Tiếng Anh bậc 3/6		Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học		
5	Đỗ Thu Trang	09/10/1990	031190019035	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh		Đại học Quản trị tài chính kế toán	
6	Ngô Văn Tiến	22/01/1972	031072002636	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC ngoại ngữ trình độ A		Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
7	Hoàng Thanh Sơn	12/01/1978	031078002090	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Tiếng Anh CEFR Level A2		Đại học Sư phạm Toán	
8	Trần Đình Chung	10/12/1989	033089014955	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Aptis B1		Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
9	Nguyễn Thị Liên Hương	29/06/1990	031190022723	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC ngoại ngữ Tiếng Anh trình độ B1		Đại học Kế toán	
10	Hoàng Thân Vạn Phúc	12/05/1998	031098003741	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ Quản lý kinh tế	
11	Vũ Xuân Phong	10/08/1977	031077005683	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC ngoại ngữ Tiếng Anh trình độ B1 Certificate CEFR Level B1		Đại học Cơ khí Chế tạo	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học		
12	Nguyễn Thu Hường	08/11/1986	031186006586	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Tiếng Anh		Đại học Kế toán Kiểm toán	
B	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp ngành/chuyên ngành giáo dục đào tạo (38 người)							
I	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Giảng viên Công nghệ thông tin							
1	Nguyễn Hà An	09/05/1984	031184011065	Thạc sĩ Khoa học máy tính	CC Tiếng Anh B1 - Châu Âu	CC Bồi dưỡng Giảng viên hạng III	Thạc sĩ Khoa học máy tính	
2	Nguyễn Thị Lanh	26/12/1983	031183005315	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Đại học Ngôn ngữ Anh	CC Bồi dưỡng Chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	
3	Phạm Thị Thùy Ni	02/08/1980	031180008442	Thạc sĩ Khoa học máy tính	CC Tiếng Anh trình độ C	CC Bồi dưỡng Chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Thạc sĩ Khoa học máy tính	
4	Quách Thành Duy	13/10/1986	031086009349	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Đại học Ngôn ngữ Anh	CC Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp Giảng viên Hạng III	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	
5	Trần Biên Thùy	06/12/1986	031386000345	Thạc sĩ Khoa học máy tính	CC Tiếng Anh khung B1 Châu Âu	CC Chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Thạc sĩ Khoa học máy tính	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học		
6	Đào Thị Hưng	23/09/1978	027178006588	Thạc sĩ Khoa học máy tính	CC Tiếng Anh cấp độ B1 của khung Châu Âu	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp Giảng viên Hạng II	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Con thương binh
7	Hoàng Trần Hiếu	09/10/1986	031086022985	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Đại học Ngôn ngữ Anh	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp Giảng viên Hạng III	Thạc sĩ Khoa học máy tính	
8	Lê Thị Phương Anh	10/06/1987	031187003827	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Đại học Ngôn ngữ Anh	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp Giảng viên Hạng III	Thạc sĩ Khoa học máy tính	
II	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Giảng viên Du lịch							
1	Trần Thị Mai Phương	01/01/1989	031189010820	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp Giảng viên Hạng III	Thạc sĩ Văn hóa học	
2	Phạm Thị Thanh	28/03/1988	031188009902	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Thi sát hạch đạt điều kiện	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp Giảng viên Hạng III	Thạc sĩ Văn hóa học	Con bệnh binh

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học		
3	Lê Thanh Tùng	20/08/1977	031077000415	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp Giảng viên Hạng III	Tiến sĩ Văn hóa học (Văn hóa dân gian)	
4	Nguyễn Thị Thu Hương	01/05/1988	031188032885	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Thi sát hạch đạt điều kiện	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp Giảng viên Hạng III	Thạc sĩ Văn hóa học	
5	Hoàng Thị Huê	16/06/1986	036186023234	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Thi sát hạch đạt điều kiện	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp Giảng viên Hạng III	Thạc sĩ Văn hóa học	Con người bị nhiễm chất độc hóa học
III	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Giảng viên Tiếng Anh							
1	Phan Thành Nam	21/08/1991	031091000289	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp Giảng viên Hạng III	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học		
2	Phan Thị Hường	30/07/1991	031191021920	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp Giảng viên Hạng III	Thạc sĩ LL&PP giảng dạy Tiếng Anh	
3	Nguyễn Thị Quế	06/01/1982	031182002413	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh	CC Chức danh nghề nghiệp Giảng viên Hạng III	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh	
4	Vũ Thùy Linh	02/09/1989	031189000758	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Sư phạm Tiếng Anh	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp Giảng viên Hạng III	Thạc sĩ LL&PP giảng dạy Tiếng Anh	
5	Hoàng Minh Phương	27/05/1997	022197001898	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Sư phạm Tiếng Anh	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh cho người nước ngoài	
6	Đoàn Thị Phương	02/02/1982	031182010622	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên hạng III	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học		
7	Phạm Minh Ngọc	12/11/1999	022199003526	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Sư phạm Tiếng Anh	CC Bồi dưỡng theo chuẩn chức danh Giảng viên Đại học	Thạc sĩ LL&PP giảng dạy Tiếng Anh	
IV	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Giảng viên Tiếng Trung							
1	Lê Thị Thu Hoài	13/08/1980	031180011465	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh Đại học Tiếng Trung Quốc	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc	
2	Đỗ Thị Nguyệt	23/08/1985	031185001001	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Tiếng Trung Quốc	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Hạng III	Thạc sĩ Ngôn ngữ học và Văn học Trung Quốc	Con thương bệnh binh 2/4
3	Hoàng Trà My	29/10/1998	031198011764	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc	
4	Trần Thanh Minh	28/01/1990	031190018285	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Trung Quốc	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Hạng III	Tiến sĩ Ngôn ngữ học và Ngôn ngữ học ứng dụng	



STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học		
5	Đồng Thị Sinh	11/10/1987	031187006426	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Thạc sĩ Tiếng Trung Quốc Tiếng Anh B2 (Khung tham chiếu Châu Âu CEFR)	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Hạng II	Tiến sĩ Ngôn ngữ và Văn học nước ngoài	
6	Hoàng Thanh Giang	22/06/1988	031188013857	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Trung Quốc Đại học Ngôn ngữ Anh	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Hạng III	Thạc sĩ Tiếng Trung Quốc (LL&PP dạy học Tiếng Trung Quốc)	
V	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Giảng viên Tiếng Nhật							
1	Trần Thị Vân Anh	26/03/1990	031190015294	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Thạc sĩ Ngôn ngữ Nhật Bản	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Hạng III	Thạc sĩ Ngôn ngữ Nhật Bản	
VI	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Giảng viên Cơ khí							
1	Nguyễn Văn Thor	12/02/1984	036084001026	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Học tại nước ngoài (Nga)	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Hạng III	Tiến sĩ Kỹ thuật cơ khí	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học		
VII	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Giảng viên Xây dựng							
1	Bùi Ngọc Dung	17/04/1980	037180000167	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Thạc sĩ Xây dựng cầu hầm	
2	Trịnh Duy Thành	13/12/1988	031088006630	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính (Hạng II)	Thạc sĩ Kỹ thuật xây dựng Công trình Dân dụng và Công nghiệp	
3	Đoàn Văn Thắng	08/10/1985	031085008876	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Giấy chứng nhận Chuẩn đầu ra ngoại ngữ trình độ Thạc sĩ	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính (Hạng II)	Thạc sĩ Kỹ thuật xây dựng	
4	Nguyễn Phan Anh	24/01/1981	031081004379	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Thi sát hạch đạt điều kiện	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính (Hạng II)	Thạc sĩ Kỹ thuật Xây dựng Công trình Dân dụng và Công nghiệp	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học		
VIII	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Giảng viên Điện							
1	Đoàn Đức Trọng	21/06/1989	031089011288	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	CC Chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Hạng III	Thạc sĩ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
2	Hoàng Công Anh	14/07/1998	031098000907	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	CC Bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Thạc sĩ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
3	Bùi Văn Điệp	16/01/1984	031084023267	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	CC Bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Thạc sĩ Kỹ thuật điện	Con bệnh binh; Hoàn thành nghĩa vụ quân sự
4	Phạm Thị Thanh	18/10/1985	031185005344	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	CC Bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Thạc sĩ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
5	Vũ Văn Tú	27/06/1984	031084002558	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	CC Tiếng Anh bậc 3 (tương đương cấp độ B1 khung tham chiếu Châu Âu)	CC Bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Tiến sĩ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CC/CCCD	Thông tin kê khai của thí sinh				Đối tượng ưu tiên
				Tiêu chuẩn chung			Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	
				Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học		
VIII	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển: Giảng viên Kiến trúc							
1	Nguyễn Thế Duy	16/11/1979	031079007493	CC Ứng dụng CNTT cơ bản	Thi sát hạch đạt điều kiện	CC Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên Đại học	Thạc sĩ Kiến trúc	

Danh sách này có 126 người ./.

